

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23/TB-PH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	35	
II	Loại phòng học	Kiên cố	
1	Phòng học kiên cố	35	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	17	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	42 hs/Lớp	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	19,052 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4,400 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	3,620,7 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	88m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	24 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	112 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	578 m ²	
5	Diện tích phòng Y tế (m ²)	24 m ²	
6	Diện tích phòng truyền thống	48 m ²	
7	Phòng Hiệu trưởng	24 m ²	
8	Phòng Làm việc Phó hiệu trưởng	24 m ²	
9	Phòng Đoàn trường	48 m ²	
10	Phòng Công Đoàn	24 m ²	
11	Phòng Chờ GV	24 m ²	
12	Phòng Kế Toán	24 m ²	
13	Phòng Văn thư	48 m ²	
14	Phòng Đảng ủy	24 m ²	
15	Phòng Hội Trường	257,6 m ²	
16	Phòng tổ CM		

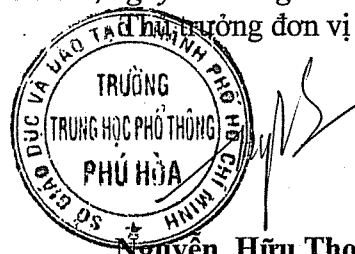
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12 bộ	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	12 bộ	
1.1	Khối lớp 10	4 bộ	
1.2	Khối lớp 11	4 bộ	
1.3	Khối lớp 12	4 bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	9 bộ	
2.1	Khối lớp 10	4 bộ	
2.2	Khối lớp 11	3 bộ	
2.3	Khối lớp 12	2 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	168 bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	36	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	14	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	36	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	10	

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1/1		8/8		0.15
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).						
	Nội dung		Có		Không	
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X			
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X			
XIII	Kết nối internet (ADSL)		X			

XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XV	Tường rào xây	X	

Củ Chi, ngày 23 tháng 09 năm 2021



Nguyễn Hữu Thọ